TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** Bản án số: 1009/2018/HNGĐ-ST Ngày 01-8-2018 V/v tranh chấp ly hôn	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Ngọc.

Ông Huỳnh Văn Bé.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Việt Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 01 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 299/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2018/QĐXXST–HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 160/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Sử Mỹ H, sinh năm: 1988. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Xuân M, sinh năm: 1980. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, khu phố 3, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 26/3/2018, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Sử Mỹ H trình bày như sau:

Bà và ông Nguyễn Xuân M tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2014. Sau khi chung sống cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc. Đến năm 2016 thì hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà và ông M bất đồng

quan điểm sống, lối sống không phù hợp, ông M cờ bạc không lo làm ăn và có người khác bên ngoài dẫn đến vợ chồng cãi vã, gây gổ, mâu thuẫn trầm trọng. Hai bên cố gắng giải quyết nhưng không được. Từ năm 2016, bà và ông M không còn chung sống với nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn ông M.

Về con chung: Bà H trình bày bà và ông M có 01 con chung tên là Nguyễn Sử Minh T, sinh ngày 04/7/2015. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Minh T đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H trình bày không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà H trình bày không có.

* Ông Nguyễn Xuân M vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 26/3/2018, bà Sử Mỹ H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Xuân M, yêu cầu nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung không có, nghĩa vụ dân sự chung không có, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, ông Nguyễn Xuân M có nơi cư trú tại tổ 9, khu phố 3, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Xuân M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành phiên tòa vắng mặt ông M theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn bà Sử Mỹ H:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà H và ông M tự nguyện tiến tới hôn nhân, chúng sống với nhau và có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 125/2014, quyển số 01/2014, ngày 30 tháng 12 năm 2014, đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà H trình bày thì sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc. Đến năm 2016 thì hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà và ông M bất đồng quan điểm sống, lối sống không phù hợp, ông M cờ bạc không lo làm ăn và có người khác bên ngoài dẫn đến vợ chồng cãi vã, gây gổ, mâu thuẫn trầm trọng. Hai bên cố gắng giải quyết nhưng không được. Từ năm 2016, bà và ông M không còn chung sống với nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn ông M.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông M không đến Tòa án để giải quyết. Điều đó cho thấy ông M không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng với bà H. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông M là có cơ sở.

- Về con chung: Bà H trình bày bà và ông M có 01 con chung tên là Nguyễn Sử Minh T, sinh ngày 04/7/2015.

Hiện nay bà H đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Sử Minh T. Trẻ Nguyễn Sử Minh T còn nhỏ, để ổn định tâm sinh lý của con chung từ nhỏ đã quen sống với mẹ nên việc bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Sử Minh T đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà H không yêu cầu ông Minh cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của bà H, không trái pháp luật nên ghi nhận sự tự nguyện này.

- Về tài sản chung: Bà H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà Sử Mỹ H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Sử Mỹ H.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Sử Mỹ H và ông Nguyễn Xuân M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 125/2014, quyển số 01/2014, ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp cho bà Sử Mỹ H và ông Nguyễn Xuân M không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà H và ông M có 01 con chung tên là Nguyễn Sử Minh T, sinh ngày 04/7/2015.

Bà H được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Sử Minh T đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc tạm thời không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông M lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông M.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung:

Bà H trình bày không có.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung:

Bà H trình bày không có.

5. Về án phí sơ thẩm:

Bà Sử Mỹ H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Sử Mỹ H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2017/0032130 ngày 26 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Bà Sử Mỹ H có mặt được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Xuân M vắng mặt được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện C, Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tú